

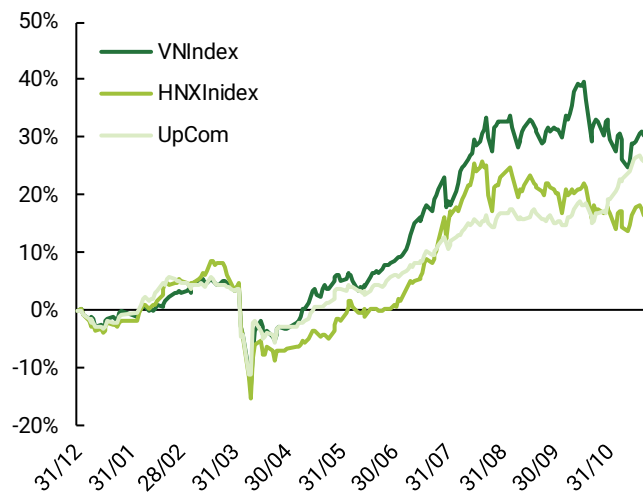
VN-Index **1655.99 (0.42%)**
 716 Tr. cổ phiếu 19756.0 Tỷ VND (-19.11%)

HNX-Index **264.23 (-0.30%)**
 56 Tr. cổ phiếu 1158.9 Tỷ VND (-31.95%)

UPCOM-Index **119.51 (-0.11%)**
 25 Tr. cổ phiếu 417.9 Tỷ VND (-55.29%)

VN30F1M **1898.10 (0.65%)**
 202,575 HD OI: 0,000 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

▪ **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1656.0, tăng 7.0 điểm (+0.42%). Thanh khoản giảm với độ rộng vẫn nghiêng về số mã giảm giá. Sắc xanh trở lại với VN30 trong khi HNXIndex vẫn giảm.

▪ **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục luân chuyển ở nhóm vốn hóa lớn thay nhau nâng đỡ chỉ số, dù vậy, mặt bằng chung cổ phiếu lại thiếu đồng thuận khi sắc đỏ vẫn chiếm ưu thế.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: CRE (+2.3%), KBC (+2.3%), VIC (+3.4%) | Hóa chất: HII (+6.9%), AAA (+6.0%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+7.0%) | Công nghệ: ICT (+6.8%), FPT (+1.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: SSB (-1.2%), OCB (-0.8%), Dịch vụ tài chính: VCI (-2.1%), VIX (-1.8%) | Thực phẩm và đồ uống: IDI (-1.3%), ANV (-1.3%), VHC (-1.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-2.1%), PAC (-1.9%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VJC, VHM, VPB, HDB - Chiều giảm | HPG, MWG, TCB, CTG, MBB

Khối ngoại Mua ròng gần 290 tỷ, tập trung nhiều ở VPB, SSI, VIC, trong khi bán ròng VCI, MWG, MBB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

▪ **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Spinning top lưỡng lự. Thanh khoản cũng giảm cho thấy sự thận trọng còn chi phối. Dòng tiền trở lại phân hóa khi sắc đỏ vẫn áp đảo hơn. **Nhóm trụ luân phiên nâng đỡ chỉ số nhưng mức đồng thuận từ mặt bằng chung cổ phiếu chưa cao.** Chỉ số khả năng tiếp tục giằng co, tích lũy thêm quanh ngưỡng 1650 điểm. Nếu bứt phá qua 1660 điểm, VN-Index có thể mở rộng đà phục hồi hướng lên vùng 1.690 – 1.700 điểm. Ở chiều ngược lại, việc đánh mất mốc 1620 điểm sẽ làm suy yếu xu hướng hồi phục hiện tại.

▪ **HNX-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, cho thấy lực cầu phản ứng tốt tại gần ngưỡng hỗ trợ 260. Dù vậy, lực mua chưa giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, hàm ý sự giằng co trong khu vực 262 – 268 vẫn còn.

▪ **Chiến lược chung:** Với khẩu vị rủi ro trung bình, NĐT nên theo dõi thêm phản ứng của thị trường khi tiếp cận vùng cản kỹ thuật, chưa vội giải ngân nếu tín hiệu chưa rõ ràng. Khi thanh khoản cải thiện, đồng thời xuất hiện sự đồng thuận bứt phá sẽ củng cố hơn cho điểm tham gia. Đối với khẩu vị rủi ro cao (phù hợp chiến lược lướt sóng), NĐT có thể chú ý các nhóm ngành điều chỉnh về vùng hỗ trợ và xuất hiện tín hiệu kiểm định tích cực, nổi bật như: Dầu khí, Cao su, Dệt may, Tiện ích, Bất động sản. Trường hợp kiểm định thất bại, nên tiếp tục dừng ngoài quan sát thị trường.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán BFC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,656.0	👉	0.42%	1.5%	1.2%	19,756.0	👇	-19.1%	-9.3%	-63.0%	715.8	👇	-20.1%	2.2%	-58.1%	
HNX-Index	264.2	👇	-0.3%	-0.8%	0.5%	1,158.9	👇	-31.9%	-46.0%	-74.8%	55.9	👇	-28.7%	-38.2%	-70.7%	
UPCOM-Index	119.5	👇	-0.1%	-0.4%	8.3%	417.9	👇	-55.3%	-59.7%	-63.3%	24.7	👇	-25.9%	-33.9%	-62.5%	
VN30	1,897.5	👉	0.6%	1.8%	1.4%	10,560.5	👇	-13.9%	-5.1%	-65.4%	282.9	👇	-13.3%	2.8%	-65.5%	
VNMID	2,296.3	👇	-0.4%	0.7%	-3.4%	7,658.1	👇	-25.0%	-10.5%	-59.1%	295.9	👇	-28.0%	-7.9%	-53.2%	
VNSML	1,528.7	👇	-0.05%	-0.1%	2.5%	1,040.0	👇	-16.5%	-33.4%	-54.5%	70.1	👇	-10.8%	-4.6%	-54.1%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	624.9	👇	-0.02%	0.15%	-6.9%	5,440.9	👇	-7.79%	5.8%	-23.1%	236.7	👇	-3.3%	14.6%	-15.3%	
Bất động sản	652.6	👈	1.9%	3.2%	-3.0%	3,645.4	👇	-13.2%	-1.7%	-30.4%	107.2	👇	-19.9%	-18.1%	-40.8%	
Dịch vụ tài chính	318.7	👇	-0.4%	0.1%	-13.9%	2,797.5	👇	-13.7%	-9.6%	-38.4%	100.8	👇	-17.6%	-10.8%	-36.0%	
Công nghiệp	265.9	👉	0.6%	1.8%	-7.8%	916.4	👇	-29.1%	-40.2%	-55.0%	25.5	👇	-21.3%	-29.9%	-45.2%	
Tài nguyên cơ bản	540.3	👇	-1.2%	2.0%	-1.1%	860.7	👇	-58.0%	-34.0%	-38.8%	37.0	👇	-55.9%	-32.4%	-38.9%	
Xây dựng - Vật Liệu	192.3	👇	-1.0%	1.5%	-1.0%	1,085.9	👇	-7.3%	-4.7%	-29.9%	47.6	👇	-7.8%	-2.5%	-24.2%	
Thực phẩm	554.7	👇	-0.3%	1.2%	-0.7%	1,118.5	👇	-45.9%	-43.2%	-40.7%	31.7	👇	-59.8%	-46.9%	-35.4%	
Bán Lẻ	1,491.0	👇	-1.7%	2.6%	-0.4%	656.2	👇	-29.0%	-5.9%	-30.3%	9.4	👇	-27.3%	-8.1%	-27.0%	
Công nghệ	523.7	👉	0.9%	-2.4%	10.6%	547.5	👇	-33.8%	-34.3%	-59.3%	6.2	👇	-42.8%	-39.2%	-60.5%	
Hóa chất	171.3	👉	0.03%	1.4%	5.0%	589.0	👇	-46.4%	-36.9%	-11.8%	24.6	👇	-20.8%	7.8%	28.6%	
Tiện ích	662.3	👇	-0.2%	1.6%	4.4%	182.2	👇	-14.8%	-53.5%	-39.6%	8.2	👇	-1.5%	-60.4%	-44.3%	
Dầu khí	74.5	👇	-0.81%	2.8%	0.4%	717.8	👈	16.7%	6.0%	39.0%	26.8	👈	13.3%	1.7%	25.4%	
Dược phẩm	420.4	👉	0.1%	-1.9%	-0.7%	43.9	👇	-58.0%	-50.3%	-39.9%	2.7	👇	-15.3%	-34.5%	-14.1%	
Bảo hiểm	91.7	👈	1.4%	-1.1%	7.2%	49.1	👈	22.7%	30.5%	2.8%	1.2	👇	-20.0%	1.7%	-29.2%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,656.0	0.42%	30.7%	16.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,282	0.8%	-8.5%	11.6x	1.1x
JCI-Index	Indonesia	8,420	0.16%	18.9%	20.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,031	0.05%	-4.4%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,931	2.0%	-9.2%	9.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,931	-0.4%	17.3%	18.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,836	0.02%	28.8%	12.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	49,824	2.6%	24.9%	21.4x	2.4x
S&P 500	Mỹ	6,642	0.4%	12.9%	26.4x	5.3x
Dow Jones	Mỹ	46,139	0.1%	8.4%	23.6x	4.7x
FTSE 100	Anh	9,578	0.7%	17.2%	14.5x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,599	1.0%	14.4%	16.6x	2.4x
DXV		100.2	0.63%	-7.7%		
USDVND		26,378	0.004%	3.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

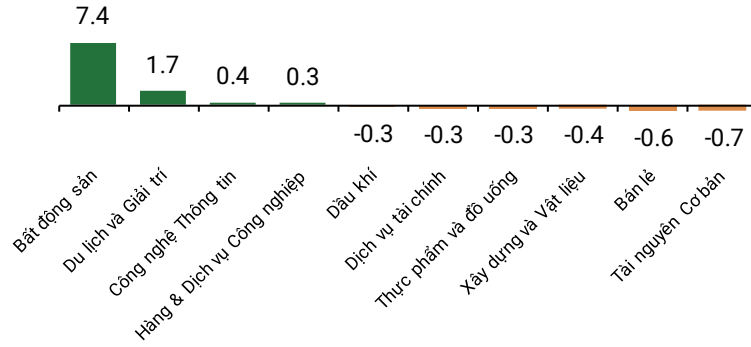
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent		0.87%	5.0%	-14.2%	-12.0%
Dầu WTI		-1.2%	4.4%	-16.3%	-12.8%
Khí gas		3.5%	33.2%	24.6%	41.7%
Than cốc (*)		0.0%	10.4%	-1.2%	-7.0%
Thép HRC (*)		-0.2%	-0.5%	-5.2%	-6.8%
PVC (*)		0.0%	-1.1%	-9.0%	-11.9%
Phân Urea (*)		0.0%	3.3%	10.6%	15.6%
Cao su thiên nhiên		-0.7%	0.8%	-13.2%	-9.7%
Bông Cotton		0.3%	-2.2%	-8.3%	-8.4%
Đường		0.1%	-6.4%	-23.6%	-32.1%
World Container Index		-0.4%	9.7%	-51.3%	-46.2%
Baltic Dirty tanker Index		-1.0%	17.1%	53.8%	55.8%
Vàng		-0.1%	-6.8%	54.8%	53.2%
Bạc		0.1%	-3.2%	75.7%	64.5%

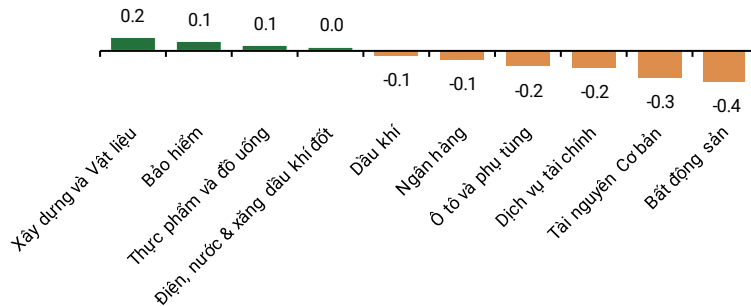
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

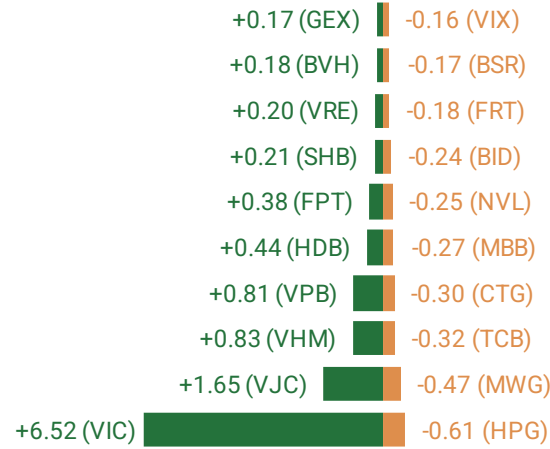
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



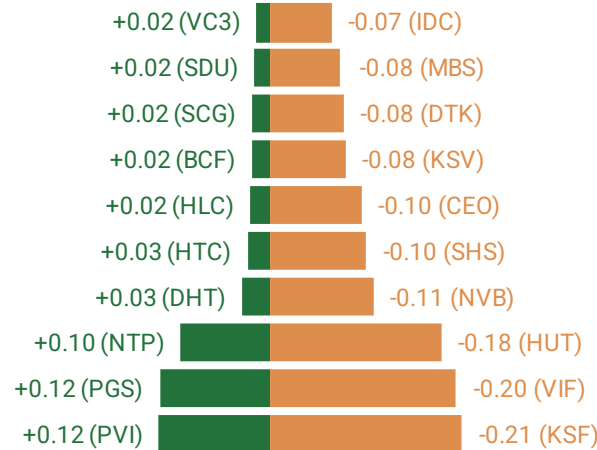
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

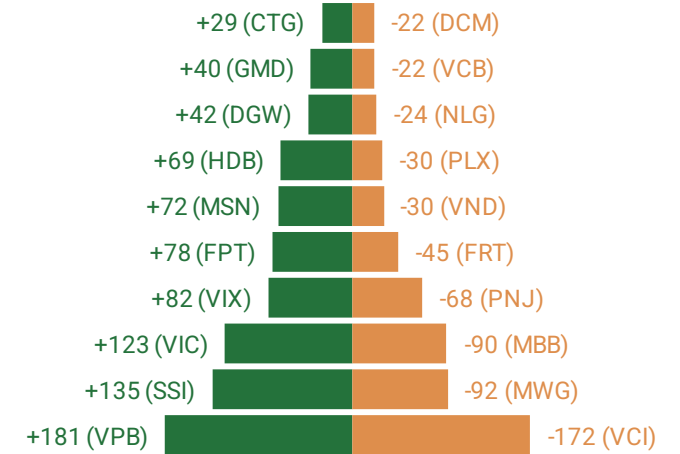


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

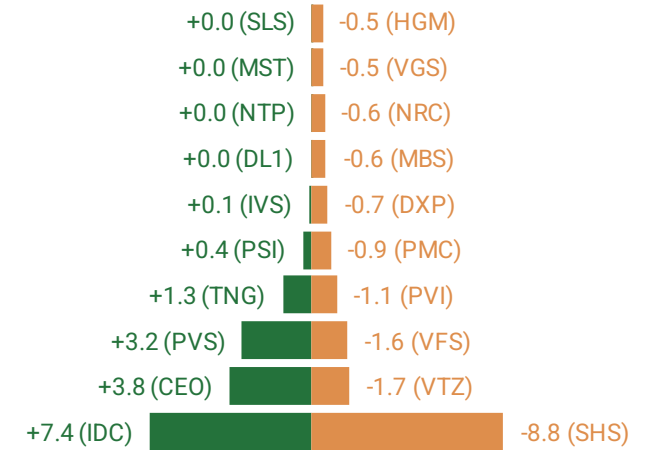


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VIX	SSI	HDB	VIC
%DoD	1.2%	-1.8%	0.4%	1.6%	3.4%
Giá trị	1,372	932	728	678	645

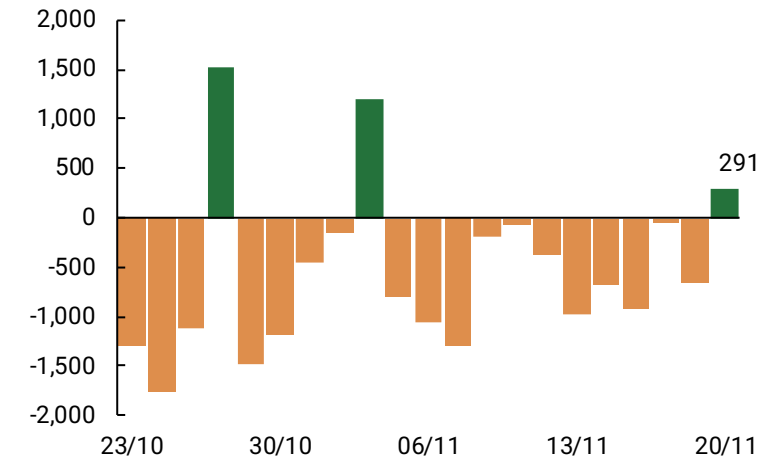
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	PVD	VIC	MSB	STB	VHM
%DoD	0.0%	3.4%	0.0%	0.0%	0.9%
Giá trị	497	434	339	177	171

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



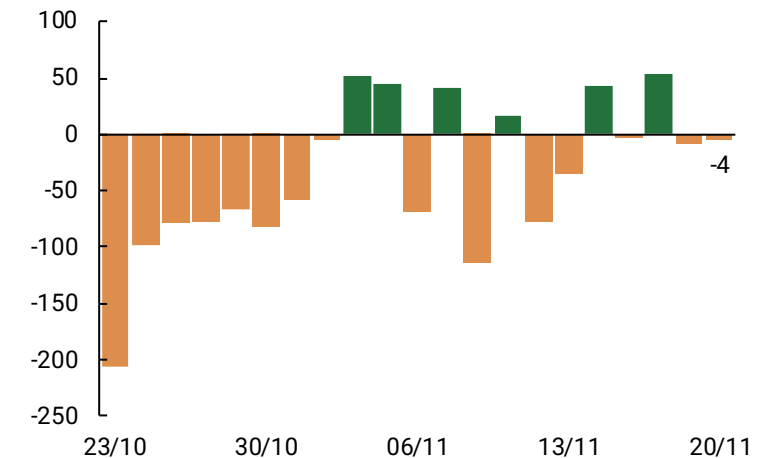
	CEO	SHS	PVS	IDC	MBS
%DoD	-1.2%	-0.9%	-0.6%	-0.7%	-0.7%
Giá trị	240	236	88	72	49

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	DNP	CEO	UNI	IDC	NAG
%DoD	0.0%	-1.2%	0.0%	-0.7%	-1.2%
Giá trị	136	7	5	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol giảm.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 - 1620.
- ✓ Kháng cự: 1660 - 1690.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Chỉ số phục hồi nhưng vẫn đóng cửa thấp hơn ngưỡng cản 1660 điểm cho thấy lực cung còn chi phối. Thanh khoản cũng giảm hàm ý sự thận trọng trở lại. **Nếu VN-Index bứt phá thuyết phục ngưỡng 1660 điểm có thể kỳ vọng nhịp hồi tiếp tục tiến lên vùng 1660 - 1700.** Chiều ngược lại, ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh mức 1620 điểm, một dấu hiệu thoái lui dưới mức này có thể khiến đà tăng vi phạm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol giảm.
- ✓ Hỗ trợ: 1800.
- ✓ Kháng cự: 1870 - 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

➔ Chỉ số hạ nhiệt tại ngưỡng 1900 và nhìn chung vẫn vận động trong khu vực cản 1870 - 1900 điểm. Trạng thái có lẽ tiếp tục giằng co tích lũy thêm trước khi có thể bứt phá ra khỏi vùng kháng cự này. Nếu vượt thành công, mục tiêu gần là ngưỡng 1940 - 1950 điểm, trong khi **hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1850 điểm.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	BFC	SELL	Current price	44.7		P/E (x)	7.5
Exchange	HOSE		Action price	45.8	-2.4%	P/B (x)	1.9
Sector	Specialty Chemicals		Selling price	21/11	44.7	EPS	5971.2
						ROE	26.2%
						Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Biên độ dao động của giá cao tiềm ẩn rủi ro khi thị trường điều chỉnh.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI đang trên đà giảm về gần mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro cao hơn nếu phá vỡ dưới ngưỡng hỗ trợ 44 lần nữa.
- ➔ Đà tăng suy yếu và có khả năng điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	BFC	Bán	21/11/2025	44.7	45.8	-2.4%	51.0	11.4%	42.5	-7.2%	Đà tăng suy yếu

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	CTR	Nắm giữ	30/10/2025	07/11/2025	91.50	91.8	-0.3%	102.0	11.1%	85.0	-7.4%	
2	PLX	Nắm giữ	06/11/2025	19/11/2025	34.40	35.2	-2.3%	39.0	10.8%	33.0	-6.3%	
3	SAB	Mua	14/11/2025	-	47.05	47.40	-0.7%	51.0	7.6%	45.5	-4.0%	
4	BCM	Mua	17/11/2025	-	66.10	67.5	-2.1%	74.0	9.6%	64.0	-5.2%	
5	PC1	Mua	18/11/2025	-	22.20	22.50	-1.3%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	
6	VGI	Mua	18/11/2025	-	76.30	80.7	-5.5%	90.0	11.5%	75.0	-7.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1898.1, tăng 12.3 điểm (+0.7%). Vận động trong phiên nghiêng về phục hồi, dù áp lực cung có chi phối mạnh hơn trong phiên chiều nhưng hợp đồng vẫn khép lại ngày đảo hạn khởi sắc.
- Hợp đồng 2M đóng cửa ở 1889.5, sẽ giao dịch nối tiếp khi hợp đồng 1M đã đảo hạn. Hiện giá đang thấp hơn gần 8 điểm so với hợp đồng 1M nên sẽ có biến động mạnh đầu phiên. Vùng kiểm định kỳ vọng quanh khu vực 1885 - 1895. Điểm vào lệnh nên chờ khi giá đã xác lập trạng thái dao động mới sẽ tối ưu hơn. Vị thế Long có thể tham gia khi giá vượt trên ngưỡng 1896. Vị thế Short có thể cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1884.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1804.7, tăng 6.4 điểm (+0.4%). Độ lệch basis thu hẹp còn 0.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 74 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1795 - 1800, trong khi kháng cự là ngưỡng 1815 - 1820.

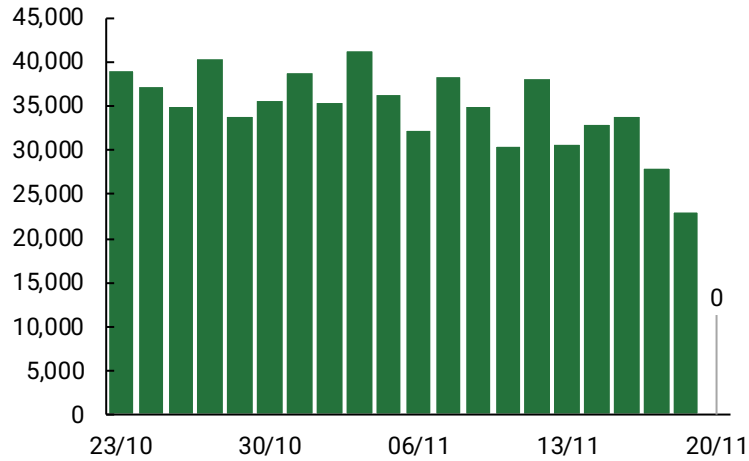
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.896	1.907	1.888	11 : 08
Short	< 1.884	1.872	1.892	12 : 08

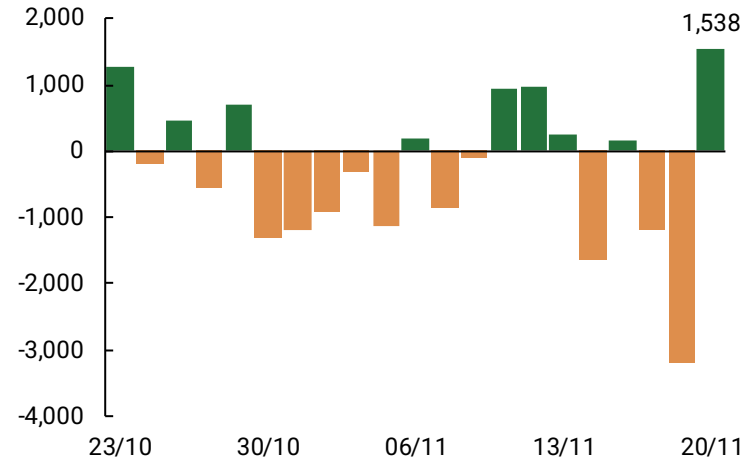
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,880.3	6.6	35	209	1,908.4	-28.1	18/06/2026	210
41I1G3000	1,883.9	0.6	60	341	1,903.7	-19.8	19/03/2026	119
VN30F2512	1,889.5	7.5	26,441	24,256	1,898.9	-9.4	18/12/2025	28
41I1FB000	1,898.1	12.3	202,575	0	1,897.5	0.6	20/11/2025	0
41I2FB000	1,804.7	6.4	74	0	1,804.4	0.3	20/11/2025	0

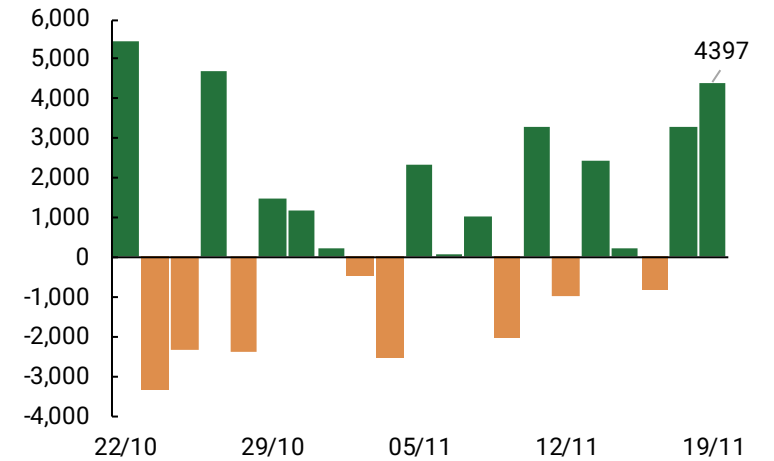
Khối lượng mở (Open interest)



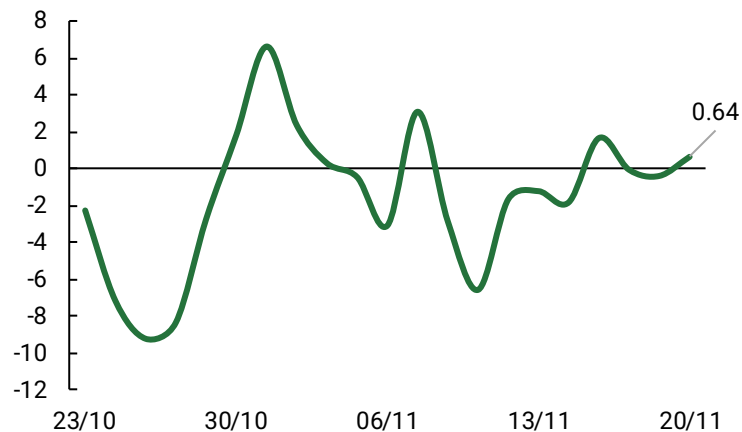
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



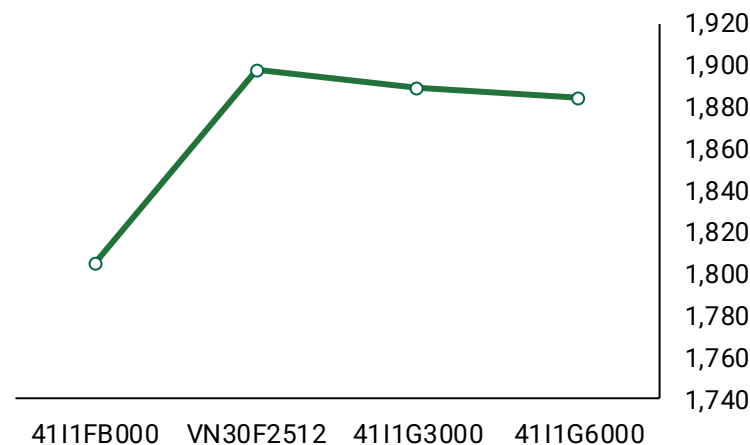
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



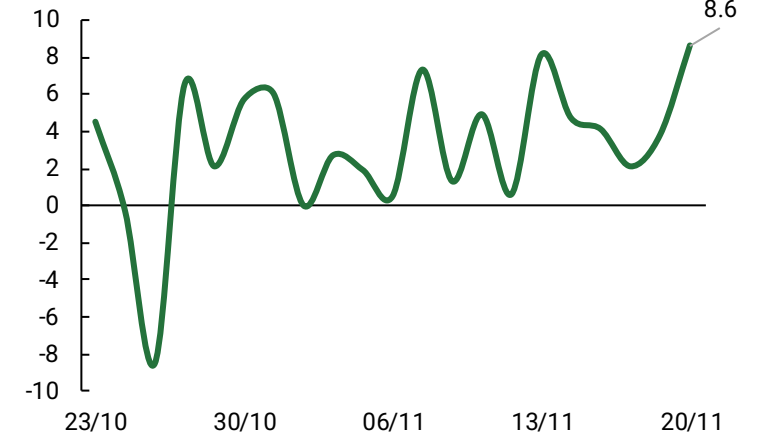
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,400	65,400	-10.9%	Bán
BCM	66,100	74,500	12.7%	Tăng tỷ trọng
CTD	85,900	92,400	7.6%	Nắm giữ
CTI	23,700	27,200	14.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,900	68,000	31.0%	Mua
DDV	28,582	35,500	24.2%	Mua
DGC	97,200	102,300	5.2%	Nắm giữ
DGW	44,400	48,000	8.1%	Nắm giữ
DPG	44,200	53,100	20.1%	Mua
DPR	38,200	41,500	8.6%	Nắm giữ
DRI	12,957	18,000	38.9%	Mua
EVF	12,250	14,400	17.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	142,200	135,800	-4.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	62,600	72,700	16.1%	Tăng tỷ trọng
HAH	66,000	67,600	2.4%	Nắm giữ
HDG	32,400	33,800	4.3%	Nắm giữ
HHV	14,200	12,600	-11.3%	Bán
HPG	27,250	12,600	-53.8%	Bán
IMP	47,250	55,000	16.4%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,350	22,700	-2.8%	Giảm tỷ trọng
MSH	40,300	47,100	16.9%	Tăng tỷ trọng
MWG	81,000	92,500	14.2%	Tăng tỷ trọng
NLG	35,350	39,950	13.0%	Tăng tỷ trọng
NT2	24,000	27,400	14.2%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,500	72,800	28.8%	Mua
PNJ	87,800	95,400	8.7%	Nắm giữ
PVT	18,300	18,900	3.3%	Nắm giữ
SAB	47,050	59,900	27.3%	Mua
TLG	53,000	59,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
TCB	34,600	35,650	3.0%	Nắm giữ
TCM	28,650	38,400	34.0%	Mua
TRC	76,300	94,500	23.9%	Mua
VCG	24,100	26,200	8.7%	Nắm giữ
VHC	57,600	60,000	4.2%	Nắm giữ
VNM	60,700	66,650	9.8%	Nắm giữ
VSC	22,350	17,900	-19.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Xuất nhập khẩu thiết lập mức kỷ lục mới: Theo Cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/11 đạt 801,02 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt 410,28 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2024. Ở chiều ngược lại, tổng trị giá hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam đạt 390,74 tỷ USD, tăng 18,3%. Cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 23,28 tỷ USD.

Việt Nam và Algeria chính thức nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược: Sáng 19/11 (giờ địa phương), trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Algeria, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã hội đàm với Thủ tướng Algeria Sifi Ghrieb. Ngay sau hội đàm, hai Thủ tướng đã thông qua Tuyên bố chung nâng cấp quan hệ hai nước lên Đối tác Chiến lược, đồng thời chứng kiến lễ ký kết các văn kiện hợp tác.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MWG - MWG tái cấu trúc công ty Đầu tư Điện Máy Xanh cho mục tiêu niêm yết: HĐQT MWG thông qua tái cấu trúc các công ty con, tách biệt mảng điện thoại/điện máy và dược phẩm để hướng tới niêm yết riêng biệt. MWG chuyển nhượng hơn 10 triệu cổ phiếu Thợ Điện Máy Xanh cho Đầu Tư Điện Máy Xanh và ngược lại chuyển nhượng hơn 201 triệu cổ phần Dược Phẩm An Khang cho Thiện Tâm, dự kiến hoàn thành trước 31/12/2025. Trong 9 tháng đầu năm, MWG đạt doanh thu 113,607 tỷ và lợi nhuận 4,989 tỷ, tăng tương ứng 14% và 73%. Điện Máy Xanh chiếm 44.4% doanh thu.

VRE - Vincom Retail có thể thu về 1.900 tỷ đồng lợi nhuận từ vụ chuyển nhượng Vincom Center Nguyễn Chí Thanh: Trong báo cáo mới đây, BSC nhận định, cuối tháng 10/2025, VRE đã hoàn tất chuyển nhượng vốn góp tại Vincom Center Nguyễn Chí Thanh với tổng giá trị khoảng 3.600 tỷ đồng, lợi nhuận ước tính 1.900 tỷ đồng sẽ được ghi nhận trong quý 4/2025. Kết quả kinh doanh quý 3/2025 của VRE ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.251 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 1.376 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm trước.

HVN - Vietnam Airlines liên danh với hãng hàng không lớn thứ hai UAE mở rộng kết nối sang Trung Đông: Vietnam Airlines và Etihad Airways mới đây đã triển khai hợp tác liên danh (codeshare), mở rộng đáng kể khả năng kết nối cho hành khách từ Việt Nam đến Trung Đông, châu Âu và châu Phi. Trước đó, Vietnam Airlines cũng vừa mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế bằng việc ký kết liên danh với Singapore Airlines từ ngày 26/10

HAG - Bầu Đức lựa chọn 4 cây trồng chủ lực của Hoàng Anh Gia Lai: HAGL đã phát triển mạnh mẽ chuỗi từ 2017 với sản lượng 365,000 tấn trong 9 tháng 2025, đóng góp lợi nhuận trên 1,000 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận 50%. Sầu riêng (2,000 ha) cũng tăng sản lượng với 3,800 tấn và doanh thu 300 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng mạnh từ 2026. Công ty mở rộng đầu tư cà phê (3,500 ha mới, gần 7,000 ha kế hoạch) và phát triển dâu tằm lấy sợi quy mô 1,500 ha. HAGL định hướng trở thành công ty nông nghiệp hàng đầu Việt Nam với 30,000 ha, năng lực tái đầu tư cao và đa dạng hóa sản phẩm, giảm rủi ro thị trường.

- 03/11 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/11 Việt Nam – MSCI công bố đảo danh mục
- 06/11 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 10 và 10 tháng
- 07/11 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Thay đổi việc làm phi nông nghiệp
- 09/11 Trung Quốc - CPI, PPI y/y
- 13/11 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/11 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 20/11 Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 26/11 Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, PCE lõi
- 30/11 Cuộc họp OPEC

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415